BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VĂN PHÒNG
*
Số 159-TB/VPTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế

Ngày 25/8/2026, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chủ trì làm việc với Đảng uỷ Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương[1] về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế. Sau khi nghe Đảng uỷ Chính phủ báo cáo, ý kiến của các đại biểu, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước kết luận như sau:

1. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự chung sức của toàn xã hội, công tác an sinh xã hội đã đạt nhiều kết quả quan trọng, giúp ổn định xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đến nay, cả nước có 99,1 triệu người tham gia bảo hiểm y tế (96,9% dân số); khoảng 2,5 triệu người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; chính sách giảm nghèo, tín dụng, nhà ở, giáo dục, y tế, việc làm và cứu trợ thiên tai đã trở thành điểm tựa của hàng triệu gia đình.

Tuy nhiên, chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế vẫn còn nhiều bất cập; mức hưởng và chất lượng dịch vụ ở nhiều nơi còn hạn chế, nhiều người có thẻ bảo hiểm y tế nhưng ngại đi khám vì các thủ tục hành chính và chi phí liên quan; nhiều lao động phi chính thức, lao động nền tảng, lao động di cư… vẫn chưa được bảo vệ đầy đủ; khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư còn khá lớn. Hiện nay, cả nước có hơn 17 triệu người cao tuổi, dự báo đến năm 2036, người từ 60 tuổi trở lên sẽ chiếm khoảng 20% dân số, Việt Nam đang đứng trước áp lực già hoá dân số, đặt ra

---

[1] Cùng dự có các đồng chí: Đồng chí Trịnh Văn Quyết, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Hải Ninh, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; đồng chí Đào Hồng Lan, Bộ trưởng Bộ Y tế; đồng chí Nguyễn Đắc Vinh, Chủ nhiệm Uỷ ban Văn hoá và Xã hội của Quốc hội; đồng chí Đặng Khánh Toàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; đồng chí Tô Ân Xô, Trợ lý Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Phụ trách Văn phòng Tổng Bí thư; các đồng chí đại diện lãnh đạo Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

những yêu cầu cấp bách về thu nhập, sức khoẻ và chăm sóc dài hạn. Bên cạnh đó, tác động của thiên tai, dịch bệnh, tự động hoá và biến động thị trường lao động tạo ra những dạng tổn thương mới cho xã hội.

2. Tình hình đó đòi hỏi phải đổi mới tư duy, hoàn thiện các chính sách và tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn với các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

2.1. Về quan điểm

a) Bảo đảm an sinh xã hội là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội, là đầu tư cho con người và tương lai phát triển đất nước. Hiệu quả chính sách an sinh xã hội phải được đo lường bằng sức khoẻ, giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực, sự ổn định xã hội và niềm tin của Nhân dân.

b) An sinh xã hội phải bao phủ toàn dân, đồng thời ưu tiên nguồn lực cho những người yếu thế, nhất là trẻ em, người cao tuổi không có lương hưu, người khuyết tật, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người gặp thiên tai, mất việc làm, nạn nhân của bạo lực và những người không có khả năng tự bảo vệ.

c) An sinh bền vững phải dựa trên việc làm, thu nhập ổn định, khả năng tiếp cận nhà ở, y tế, giáo dục, dinh dưỡng, chăm sóc trẻ em và các dịch vụ thiết yếu.

d) Lấy người dân làm trung tâm; gia đình, cộng đồng làm nền tảng; cấp cơ sở là tuyến đầu hành động. Chính sách cần được thiết kế sát với thực tế, không bị chia cắt bởi địa giới hành chính hay cơ quan quản lý. Nhà nước phải chủ động phát hiện, hỗ trợ đúng người, đúng lúc, không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có.

đ) Bảo đảm hài hoà giữa công bằng và hiệu quả, nhân văn và kỷ luật, quyền lợi trước mắt và bền vững lâu dài; khắc phục tình trạng bình quân, dàn trải; không để những quy định "máy móc" loại những người thực sự khó khăn ra khỏi chính sách.

e) Đánh giá kết quả bằng những thay đổi thực chất trong đời sống và niềm tin của Nhân dân; không chỉ thống kê số văn bản, số người thụ hưởng hay số tiền đã chi, mà phải bảo đảm chính sách đến đúng người, kịp thời, giảm gánh nặng chi phí, tạo việc làm cho người trong độ tuổi lao động, bảo đảm trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường.

2.2. Về mục tiêu, yêu cầu đến năm 2030, 2045

a) Mục tiêu

Đến năm 2030, hình thành cơ bản hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, số hoá, bảo đảm sàn an sinh tối thiểu cho tất cả người dân. Đến năm 2045, hệ thống phải tiếp cận chuẩn mực của các nước phát triển có thu nhập cao, dịch vụ chất lượng, tài chính bền vững, quản trị minh bạch và khả năng ứng phó nhanh trước các rủi ro.

b) Yêu cầu

- Sàn an sinh tối thiểu phải bảo đảm chăm sóc y tế thiết yếu, thu nhập cơ bản và điều kiện phát triển cho trẻ em, hỗ trợ người trong độ tuổi lao động khi mất việc, mất sinh kế, thai sản, tai nạn, khuyết tật; bảo đảm thu nhập và chăm sóc thiết yếu cho người cao tuổi. Trên nền tảng đó, tiếp tục phát triển các tầng bảo hiểm bắt buộc, tự nguyện, bổ sung và huy động sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng, gia đình.

- An sinh xã hội phải được đặt trong mối quan hệ gia đình và liên thế hệ; việc làm, thu nhập của cha mẹ gắn liền với điều kiện sống, chăm sóc và học tập của các con. Chính sách phải được đánh giá bằng lợi ích thực chất đối với mỗi người dân, sự bền vững của gia đình và tương lai của thế hệ sau. Tinh thần *"không để ai bị bỏ lại phía sau"* phải được cụ thể hoá bằng kết quả có thể kiểm tra, giám sát; không để người dân rơi xuống dưới mức sống tối thiểu mà không được phát hiện, trẻ em bỏ học vì nghèo, người khuyết tật đặc biệt nặng không có người chăm sóc, gia đình gặp thiên tai phải chờ đợi quá lâu mới được hỗ trợ.

- An sinh xã hội cần phải có tầm nhìn dài hạn, xác định đúng ưu tiên, tổ chức thực hiện hiệu quả. Nguồn lực chi cho an sinh xã hội không chỉ có ngân sách nhà nước mà còn là trách nhiệm chung của cộng đồng và ý chí, nghị lực của mỗi người dân. Đột phá quan trọng nhất không chỉ là tăng mức trợ cấp mà là nâng cao năng lực của Nhà nước trong việc phát hiện, lắng nghe và hỗ trợ người dân kịp thời; bảo đảm các chính sách được thực hiện đồng bộ, phòng ngừa tốt rủi ro và tạo điều kiện để người dân tự vươn lên.

2.3. Về nhiệm vụ

Thứ nhất, thiết lập hồ sơ an sinh và đầu mối phục vụ. Chính phủ khẩn trương xây dựng Cơ sở dữ liệu an sinh xã hội quốc gia, kết nối với cơ sở dữ liệu dân cư, bảo hiểm, thuế, việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở và thiên tai, bảo đảm

an ninh, an toàn và quyền riêng tư. Mỗi người dân có một hồ sơ an sinh theo vòng đời; mỗi gia đình được đánh giá đầy đủ về nhu cầu hỗ trợ.

Xây dựng bộ chỉ số quốc gia về an sinh xã hội, công bố hằng năm theo địa phương và nhóm dân cư; bộ chỉ số phải đo được mức độ bao phủ, phạm vi quyền lợi, tỉ lệ bỏ sót, thời gian giải quyết, chi phí người dân phải tự trả, khả năng có việc làm, khả năng tiếp cận của người khuyết tật và mức độ hài lòng của người hưởng. Nơi nào để sót đối tượng, giải quyết chậm, để người dân phản ánh kéo dài thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm và giải trình.

Thứ hai, củng cố sàn an sinh và cải cách chính sách trợ giúp xã hội. Rà soát, hợp nhất các chương trình trùng lặp, giảm đầu mối, thống nhất tiêu chí cốt lõi, đồng thời dành dư địa để địa phương xử lý những vấn đề đặc thù. Mức trợ giúp phải được điều chỉnh phù hợp với mức sống tối thiểu, biến động giá cả và khả năng ngân sách, hỗ trợ bổ sung kịp thời những người gặp biến cố.

Thứ ba, mở rộng bảo hiểm xã hội và xây dựng thị trường lao động bao trùm. Hoàn thiện các gói bảo hiểm linh hoạt về mức đóng, thời gian đóng và phương thức tham gia, có hỗ trợ phù hợp đối với người thu nhập thấp. Nghiên cứu, xác định trách nhiệm đóng góp của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp cung cấp nền tảng số *(gọi xe, taxi công nghệ...)*. Mở rộng bảo hiểm tai nạn lao động và chế độ thai sản cho khu vực phi chính thức. Chính sách trợ giúp người trong độ tuổi lao động phải gắn với đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm, tín dụng và kết nối doanh nghiệp. Đào tạo phải được đánh giá bằng kết quả việc làm thực tế, không chỉ bằng số người tham dự. Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tuyển dụng người khuyết tật, người sau cai nghiện, người chấp hành xong án phạt tù và lao động lớn tuổi.

Thực hiện giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho đối tượng dễ bị tổn thương, yếu thế. Ưu tiên hỗ trợ cho người có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ thí điểm mô hình sinh kế đối với hộ gia đình có người cao tuổi, người khuyết tật; ưu tiên được vay vốn với lãi suất ưu đãi để tạo việc làm, tăng thu nhập.

Thứ tư, xây dựng hệ thống an sinh gia đình và liên thế hệ. Quy hoạch khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị phải đồng bộ giữa việc làm với nhà ở xã hội, trường học, cơ sở y tế, nhà trẻ và các dịch vụ thiết yếu. Chính sách an sinh phải theo người lao động, không bị gián đoạn bởi nơi cư trú hay loại hình việc làm. Nhà nước, địa phương, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động phải cùng chia sẻ trách nhiệm về phát triển nhà ở, trường học, nhà trẻ và

thiết chế xã hội. Đặc biệt, quan tâm trẻ em sống xa cha mẹ, trẻ em do ông bà chăm sóc và gia đình có nhiều người phụ thuộc. Không để khó khăn của thế hệ trước trở thành thiệt thòi của các thế hệ sau.

Thứ năm, phát triển kinh tế chăm sóc, chủ động ứng phó với tình trạng già hoá dân số. Xây dựng chiến lược quốc gia về kinh tế chăm sóc, kết hợp y tế, phục hồi chức năng, công tác xã hội và chăm sóc tại gia đình, cộng đồng. Phát triển mạng lưới chăm sóc ban ngày, chăm sóc tạm thời, trợ giúp người khuyết tật, chăm sóc giảm nhẹ và hỗ trợ sức khoẻ tâm thần. Nghiên cứu thí điểm bảo hiểm chăm sóc dài hạn tại một số địa phương, đánh giá kỹ tác động tài chính trước khi nhân rộng. Đồng thời, chuẩn hoá nghề chăm sóc, đào tạo và có chính sách phù hợp với nhân viên công tác xã hội, điều dưỡng và người chăm sóc tại nhà. Xây dựng mô hình nhà xã hội chăm sóc người cao tuổi độc thân, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, bảo đảm người cao tuổi không phải sống trong nhà tạm, nhà dột nát.

Triển khai kịp thời chăm sóc sức khoẻ ban đầu, khám sức khoẻ định kỳ, lập sổ theo dõi sức khoẻ người cao tuổi ở y tế tuyến xã, ưu tiên nhóm từ 80 tuổi trở lên và từng bước mở rộng đến nhóm từ 65 tuổi trở lên. Thực hiện khám chữa bệnh tại nhà cho người cao tuổi không có điều kiện đến cơ sở y tế. Phát triển khoa lão khoa tại bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và Trung ương; phát triển bệnh viện tuyến cơ sở để phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, phục hồi chức năng và hỗ trợ phát triển toàn diện trẻ em ngay từ những năm đầu đời.

Thứ sáu, bảo đảm cơ hội phát triển công bằng cho trẻ em và người yếu thế. Ưu tiên đầu tư cho 1.000 ngày đầu đời (dinh dưỡng, tiêm chủng, giáo dục mầm non, sàng lọc khuyết tật và can thiệp sớm). Hỗ trợ đối tượng yếu thế ở các cấp học phổ thông, cơ sở đào tạo nghề, hướng nghiệp. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đặc thù; ứng dụng hệ thống học liệu chuyên dụng phục vụ chuyển đổi ngôn ngữ ký hiệu, chữ nổi cho học sinh khiếm thị; bổ sung đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp với phương pháp giáo dục người khuyết tật. Bảo đảm người khuyết tật tiếp cận công trình công cộng, giao thông, giáo dục, y tế và dịch vụ số. Có giải pháp khuyến khích người dân chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn, khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh, khám sàng lọc một số loại bệnh phổ biến, nguy hiểm, phù hợp với từng lứa tuổi, nhóm đối tượng.

Thứ bảy, nâng cao khả năng thích ứng với thiên tai, dịch bệnh và quá trình phát triển xanh. Mỗi địa phương phải có bản đồ rủi ro, danh sách các hộ

gia đình dễ bị tổn thương và giải pháp ứng phó. Khi xảy ra thiên tai, dữ liệu, ngân sách và hệ thống thanh toán phải được kích hoạt ngay, rút ngắn thời gian hỗ trợ từ nhiều tuần xuống còn vài ngày đối với các trường hợp đã đủ căn cứ. Các chương trình phát triển, thu hồi đất, sắp xếp sản xuất phải gắn với phương án về việc làm, thu nhập, sinh kế; có phương án đào tạo lại, hỗ trợ di chuyển, bảo hiểm thất nghiệp và tạo việc làm tại chỗ; không để người nghèo và người lao động yếu thế phải gánh chịu bất lợi của quá trình phát triển.

Thứ tám, đổi mới quản trị, tài chính và giám sát xã hội. Xây dựng kế hoạch tài chính an sinh trung hạn; công khai nguồn lực, kết quả của từng chương trình, cắt giảm chính sách trùng lặp, kém hiệu quả. Huy động nguồn lực xã hội nhưng Nhà nước giữ vai trò bảo đảm sàn an sinh tối thiểu. Quốc hội tăng cường giám sát mức độ bao phủ, chất lượng chính sách và bền vững tài chính. Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò giám sát tại cộng đồng, tiếp nhận phản ánh và đối thoại với người thụ hưởng. Xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, thiếu trách nhiệm, thờ ơ, vô cảm; bảo vệ cán bộ cơ sở dám quyết định, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích của Nhân dân trong những tình huống cấp thiết.

3. Tổ chức thực hiện

- Giao Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo sớm xây dựng Chương trình hành động quốc gia về hiện đại hoá hệ thống an sinh xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045[2]; xác định rõ trách nhiệm, tiến độ, nguồn lực và kết quả; trước mắt, tập trung chuẩn hoá cơ sở dữ liệu, hoàn thiện, đơn giản hoá quy trình xác định và chi trả; chỉ đạo xây dựng bộ chỉ số quốc gia về an sinh xã hội.

- Giao Đảng uỷ Quốc hội chỉ đạo rà soát, hoàn thiện đồng bộ pháp luật về bảo hiểm xã hội, việc làm, trợ giúp xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phòng, chống bạo lực[3]. Mỗi chính sách được quyết định phải có nguồn lực bảo đảm và phải được đánh giá đầy đủ tác động đối với người yếu thế.

- Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy vai trò giám sát, phản biện và huy động sức mạnh Nhân dân; tổ chức phát hiện sớm những hoàn cảnh khó khăn ngay tại cộng đồng; kết nối các nguồn lực xã hội công khai, minh bạch, tránh trùng lặp và tôn trọng phẩm giá người được hỗ trợ[4].

---

[2] Sản phẩm: (i) Chương trình hành động quốc gia về hiện đại hoá an sinh xã hội. (ii) Cơ sở dữ liệu an sinh xã hội. (iii) Kết quả đơn giản hoá quy trình, thủ tục.

[3] Sản phẩm: (i) Báo cáo kết quả tổng rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách an sinh xã hội. (ii) Đánh giá tác động chính sách. (iii) Báo cáo giám sát chuyên đề.

[4] Sản phẩm: (i) Báo cáo giám sát chuyên đề, báo cáo giám sát độc lập. (ii) Chương trình/Quỹ vận động xã hội hoá hỗ trợ người yếu thế.

- Cấp uỷ, chính quyền địa phương xác định xã, phường là địa bàn phục vụ an sinh trực tiếp và gần dân nhất. Mỗi trường hợp khó khăn, phức tạp phải có một đầu mối chịu trách nhiệm giải quyết đến cùng, không để người dân phải đi qua nhiều cơ quan; thường xuyên rà soát, không bỏ sót người cần hỗ trợ[5].

- Doanh nghiệp và toàn xã hội thể hiện trách nhiệm thông qua tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập, đóng bảo hiểm đầy đủ, bảo đảm an toàn lao động và cơ hội bình đẳng cho người lao động; khuyến khích doanh nghiệp xã hội, quỹ cộng đồng, dịch vụ chăm sóc và công nghệ trợ giúp hoạt động đúng pháp luật, minh bạch, hiệu quả.

Văn phòng Trung ương Đảng thông báo để Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo);
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các ban, cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VĂN PHÒNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Đặng Khánh Toàn

[5] Sản phẩm: (i) Kế hoạch hành động hàng năm. (ii) Danh sách người yếu thế trên địa bàn. (iii) Thông báo công khai danh sách cán bộ chuyên trách về an sinh xã hội, số điện thoại liên hệ.